

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 124/2020/HNGĐ-ST
Ngày 29/12/2020
“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà: **Phạm Thị Thanh Mai**

2. Bà: **Nguyễn Thị Tiến**

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hiền - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020 tại Phòng xử án Toà án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 655/2019/TLST- HNGĐ ngày 06/8/2020 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 214/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/12/2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1980

Nơi ĐKKHKT: Số 35/3 B4 tập thể B, phường P, Tp D, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: Số 42/245 L, phường T, Tp D, tỉnh Hải Dương. Có mặt

* Bị đơn: Ông **Nguyễn Huy Á**, sinh năm 1971

Nơi làm việc/chỗ ở hiện nay: Đoàn Biên phòng cửa khẩu cảng G, Bộ đội Biên phòng tỉnh Quảng Ninh, phường G, Tp H, Quảng Ninh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Huy Á tự nguyện kết hôn năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 08/3/2006; sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Hà Nội đến năm 2008 thì chuyển về sống tại thành phố D, tỉnh Hải Dương. Quá trình chung sống hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, cả hai đã nhiều lần nói chuyện để thấu hiểu và vun đắp gia đình, nuôi dạy các con nhưng mọi cố gắng đều không mang lại hạnh phúc, không mang đến không khí gia đình đầm ấm. Bà một mình nuôi, chăm sóc các con từ khoảng 2 tuổi đến nay, công việc bận vì nhu cầu kiếm thêm thu nhập cho gia đình nhưng ông Á không hài lòng vì điều đó, ít khi có sự động viên chia sẻ thay vào đó là trách móc vợ tham

việc, làm những việc vô nghĩa và luôn tìm cách ngăn cản, trách mắng vợ, nghi ngờ bà có quan hệ bên ngoài. Giữa vợ chồng nhiều lần xảy ra cãi nhau gay gắt, từ đó giảm dần sự tin tưởng và tôn trọng nhau. Mâu thuẫn trầm trọng khoảng 3-4 năm nay, từ tháng 1/2020 đến nay vợ chồng không chia sẻ với nhau (ngoại trừ việc liên quan đến con), không tìm được tiếng nói chung, cũng từ đó vợ chồng sống ly thân, bà T cùng các con sống tại phường T, thành phố D. Ông A cũng có đề nghị hàn gắn tình cảm nhưng bà không đồng ý do đã có 3 - 4 năm để nhìn nhận, đánh giá mối quan hệ này. Đến nay, bà thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, Tòa án đã hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ nhưng nhận thấy không thể hàn gắn cuộc hôn nhân này nên vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông A. Về con chung: vợ chồng có 02 (Hai) con chung (sinh đôi) là: Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 20/02/2009 và Nguyễn Duy K1, sinh ngày 20/02/2009, vì ông A công tác xa nhà, bà T nuôi các con từ nhỏ, hiện tại bà đang công tác và sinh sống tại Hải Dương nên có thời gian và đủ điều kiện chăm sóc các con hơn, hơn nữa ông A là bộ đội chuyên nghiệp cứ 3 năm phải chuyển công tác một lần ảnh hưởng đến việc sống và học tập của con; ông A không chung thủy điều này ảnh hưởng đến các con; mặt khác, các cháu tuổi còn nhỏ tâm lý chưa vững vàng và chưa xa mẹ bao giờ; bà đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 (Hai) con chung, yêu cầu ông Nguyễn Huy A cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 1.500.000đ/tháng. Tổng cộng mỗi tháng cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 3.000.000đ. Quá trình giải quyết vụ án bà rút yêu cầu về cấp dưỡng, không yêu cầu ông A phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: ông Nguyễn Huy A xác nhận việc tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn như bà T trình bày; Về quan hệ vợ chồng: cách đây khoảng 3-4 năm ông có phạm sai lầm trong cuộc sống vợ chồng, ông đã nhận sai và xin lỗi bà T, gia đình bà T đã có buổi họp gia đình và ông được thông cảm, tha thứ; trong cuộc sống có lúc vợ chồng bất đồng quan điểm nhưng bà T không muốn cùng ông giải quyết những mâu thuẫn nhỏ đó, nhiều lần ông muốn ngồi nói chuyện nhưng bà T toàn lấy lý do từ chối; nhiều lần ông hỏi bà T về công việc nhưng bà T giấu không nói. Vợ chồng vẫn sống chung một nhà, quan hệ vợ chồng vẫn bình thường, không ly thân nhưng do đặc thù công việc của ông là Bộ đội không gần nhà thường xuyên phải đi xa, từ tháng 3/2020 do công tác phòng chống Dịch Covid-19 phải đi tuyên truyền phòng chống Dịch và cách ly toàn xã hội nên ông không thể về nhà. Bất đồng quan điểm vợ chồng bắt nguồn từ việc xây nhà cho mẹ đẻ ông A, giữa bà T và các chị chồng phát sinh mâu thuẫn, thời gian đó giãn cách xã hội ông không về nhà để giải quyết mâu thuẫn được. Ông đã cố gắng hàn gắn tình cảm gia đình nhưng bà T không đón nhận, bà T bị ảnh hưởng bởi anh trai và quan niệm duy tâm. Vì vậy, ông đồng ý ly hôn vì không thể chung sống với bà T được nữa.

Về con chung: vợ chồng có 02 (Hai) con chung (sinh đôi) là: Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 20/02/2009 và Nguyễn Duy K1, sinh ngày 20/02/2009, việc nuôi dạy các con không phải chỉ mình bà T mà còn có công sức đóng góp của ông và

họ hàng hai bên; do bà T rất mê tín dị đoan hơn nữa có tính lẳng lơ nên ông sợ các con bị ảnh hưởng bởi tính nết của mẹ, ông đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 (Hai) con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi các con chung. Hiện ông đang công tác tại thành phố Hạ Long, nếu được nuôi con ông có thể thuê nhà và đưa hai con đến Hạ Long sinh sống, đơn vị tạo điều kiện cho ông không phải chuyển công tác, ông sẵn sàng nghỉ hưu sớm để chăm sóc các con; ông khẳng định đủ khả năng nuôi các con. Về tài sản chung: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tiến hành xác minh tại Đồn biên phòng của khẩu cảng G thể hiện: Căn cứ Quyết định 3150/QĐ-BCH ngày 25/8/2020 của Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Quảng Ninh về việc điều động cán bộ, nhân viên về đơn vị cũ và tăng cường phòng chống Dịch Covid-19 trong đó có đồng chí Nguyễn Huy Á. Theo quy định, khi không có dịch cứ 3 tháng đơn vị giải quyết cho cán bộ, chiến sĩ nghỉ tranh thủ 5 ngày/lần, đối với người ngoại tỉnh trường hợp cần thiết để giải quyết các công việc liên quan đơn vị linh động xem xét cho về giải quyết công việc. Việc điều động luân chuyển cán bộ thuộc thẩm quyền của Thường vụ Đảng ủy Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Quảng Ninh.

Xác minh tại khu dân cư phường T, thành phố D: trong phạm vi những người hàng xóm xung quanh, khu phố nắm được thông tin ông Á và bà T trong cuộc sống có xảy ra mâu thuẫn khoảng 06 tháng nay. Trong cuộc sống hàng ngày ông Á thường xuyên phải đi làm xa một vài tuần mới về, còn bà T do đặc thù công việc đi làm từ sáng tới tối mới về, các con chung hiện đang sống cùng bà T tại phường T, thành phố D.

Xác minh tại Trường tiểu học T, thành phố D: Hai cháu Ngọc K và Duy K1 về năng lực phẩm chất tốt, về học tập đạt danh hiệu hoàn thành xuất sắc các nội dung học tập và rèn luyện, mẹ của các cháu là bà Nguyễn Thị T thường xuyên liên hệ, trao đổi với giáo viên chủ nhiệm về tình hình học tập, đạo đức của các con, tích cực kết hợp giáo dục và rèn luyện giữa gia đình và nhà trường, giữa giáo viên và học sinh.

Xác minh tại Trường THCS V, thành phố D: cháu Nguyễn Ngọc K, Nguyễn Duy K1 có tâm lý tốt, vui vẻ, hòa đồng với bạn; nhiệt tình, trách nhiệm với công việc lớp. Cháu Duy K1 học đều các môn, là thành viên lớp chất lượng cao của thành phố; thành quả của cháu là sự nỗ lực, quan tâm chăm sóc của bà T.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long phát biểu quan điểm việc tuân theo phát luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đã được thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” đối với bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1

Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; do đó việc Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Huy Á là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy: Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ lâu, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do tính tình không hợp, cuộc sống không hạnh phúc và không có sự tôn trọng. Vợ chồng đã tự hòa giải để hàn gắn quan hệ nhưng không có kết quả, tổ dân khu phố cũng biết về mâu thuẫn này. Vì vậy, bà T xin ly hôn, ông Á đồng ý ly hôn vì cả hai nhận thấy không thể tiếp tục chung sống. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Á là có mâu thuẫn, những mâu thuẫn này đã phát sinh từ lâu. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau, hôn nhân đã vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình thấy đã đủ căn cứ cho ly hôn.

[3] Về tranh chấp nuôi con: Bà T và ông Á có 02 (Hai) con chung (sinh đôi) là Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 20/02/2009 và Nguyễn Duy K1, sinh ngày 20/02/2009. Xét thấy, ông Á là quân nhân chuyên nghiệp phải thực hiện nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu, phục vụ chiến đấu và các nhiệm vụ khác của quân đội; đồng thời ông Á đang làm việc và sống tại thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh trường hợp giao các con cho ông trực tiếp nuôi dưỡng sẽ hạn chế về điều kiện chăm sóc con, làm thay đổi cuộc sống hiện tại và ảnh hưởng tâm lý của con trẻ đang tuổi phát triển; Hiện tại bà T đang chăm sóc các con phát triển tốt, học tập tốt; các con sống, học tập ổn định tại thành phố D, tỉnh Hải Dương đồng thời bà T làm việc và sinh sống tại đây có điều kiện và thời gian chăm sóc con tốt hơn; Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của các con thì yêu cầu của bà T phù hợp với nguyện vọng được ở với mẹ của cháu Nguyễn Ngọc K và Nguyễn Duy K1 nên có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Xét ý kiến của kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận

[6] Về án phí: Dương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Nguyễn Huy Á.

Về con chung: Giao 02 (Hai) con chung Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 20/02/2009 và Nguyễn Duy K1, sinh ngày 20/02/2009 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Huy Á không phải cấp dưỡng nuôi các con chung. Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Huy Á có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con mà không ai được cản trở.

Về án phí: bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0002502 ngày 06/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, bị đơn báo quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND, Chi cục THADS Tp Hạ Long;
- UBND xã Q, huyện N, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Tâm